

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20-8-2024

V/v Tranh chấp về xác định con
cho cha.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Biên và bà Đỗ Thị Yến

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 153/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc **Tranh chấp về xác định con cho cha** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 27 ngày 08/8/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Tất T, sinh năm 1970; địa chỉ: P, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1976; địa chỉ: KDC A, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Võ Văn D1, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm E, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2024, các tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – anh T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Phương D quen nhau từ cuối năm 2014 tại Hà Nội. Anh là người độc thân, chưa có vợ. Anh không biết chị D đang có chồng vì chị D ở một mình, chị D không nói cho anh biết là đang có chồng. Anh chị có quan hệ tình cảm với nhau. Sau đó chị D mang thai, sinh con, đặt tên là Nguyễn Huyền A, sinh ngày 09/01/2016 (giới tính: Nữ), theo giấy chứng sinh số 000366, cấp ngày 13/01/2016 của Bệnh viện P. Anh nghĩ đó là con anh nên đã đi làm xét nghiệm ADN và kết quả là giữa anh và cháu Nguyễn Huyền A, có quan hệ huyết thống bố - con. Sau đó anh được biết chị D đang có chồng. Thực tế ngày 19/12/2016, chị D mới ly hôn với chồng là anh Võ Văn D1 theo Quyết định số 211/2016/QĐST-HNGĐ ngày 19/12/2016 của TAND huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Anh đã yêu cầu chị D để anh đón cháu Huyền A về chăm sóc nhưng chị D không đồng ý, anh muốn làm giấy khai sinh cho cháu Huyền A nhưng

không được. Do đó, anh yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xác định cháu **Nguyễn Huyền A**, sinh ngày 09/01/2016 (giới tính: Nữ) nêu trên là con đẻ của anh.

Tại bản tự khai, chị Nguyễn Thị Phương D trình bày: Chị và anh **Võ Văn D1**, sinh năm 1977; địa chỉ: **Xóm E, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An** kết hôn khoảng cuối năm 2003, quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng nên chị về nhà mẹ đẻ ở **phường H, thị xã K** sinh sống, ly thân với anh **D1**, cắt đứt quan hệ tình cảm với anh **D1**. Chị sinh sống ở quê một thời gian, sau đó chị đi bán hàng nước vỉa hè ở trên thành phố Hà Nội, khi đó có quen biết anh **Nguyễn Tất T**. Một thời gian sau đó, anh chị có quan hệ tình cảm, chị mang thai. Sau đó chị về quê tại **H** sinh sống, chị sinh con tại **Bệnh viện phụ sản thành phố P**. Quá trình quen biết anh **T**, chị không nói gì đến việc chị có chồng, chỉ nói chị đang độc thân, thực tế thời điểm đó chị đã và đang ly thân với anh **D1** được khoảng 6 năm. Chị đặt tên con là **Nguyễn Huyền A**, theo giấy chứng sinh số 000366, cấp ngày 13/01/2016 của **Bệnh viện P**. Chị chỉ muốn tự mình nuôi con, không liên quan đến anh **T**, mặc dù anh **T** độc thân, chưa có vợ, con. Sau này anh **T** làm xét nghiệm ADN, căn cứ vào kết quả giải trình tự AND của **Công ty TNHH Đ** kết luận: “**Nguyễn Tất T** có quan hệ huyết thống bố - con với người có tên dự kiến **Nguyễn Huyền A**, độ tin cậy 99,9999%”. Thực tế, chị không muốn liên quan đến anh **T** nên khi có thai chị đã về quê sinh sống và sinh con. Chị xác định anh **T** đúng là bố của cháu **Nguyễn Huyền A**. Nay anh **T** yêu cầu Tòa án xác định cháu **Nguyễn Huyền A** là con anh **T** thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh **Võ Văn D1**: Tòa án triệu tập anh **Võ Văn D1** đến Tòa án làm việc nhưng anh **D1** không đến làm việc nên Tòa án không thu thập được quan điểm giải quyết vụ án của anh **D1**.

Tại Giấy chứng sinh số 000366, quyển số 04/2016 ngày 13/01/2016 của **bệnh viện phụ sản thành phố P** ghi nhận: họ tên mẹ: **Nguyễn Thị Phương D**, sinh năm 1976, nơi ĐKKTT: **Xóm D, H, K, Hải Dương** đã sinh con vào lúc 23 giờ 20 phút ngày 09/01/2016, giới tính: nữ, dự định đặt tên con: **Nguyễn Huyền A**.

Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn đã trưng cầu giám định. Kết quả xét nghiệm ADN ngày 05/6/2024 của **công ty cổ phần C**, địa chỉ: **H G, G, H, Hà Nội** kết luận: **Nguyễn Tất T** có quan hệ huyết thống Cha- con với **Nguyễn Huyền A** với xác suất 99,9999%

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn - anh **T** vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án xác định cháu **Nguyễn Huyền A** là con của anh.

Bị đơn - chị **D** thừa nhận cháu **Nguyễn Huyền A** là con của anh **T**, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh **D1** vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

- Đại diện **Viện** kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy

định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh **D1** chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 88, Điều 89, Điều 91, Điều 101 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, **khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228** Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án**, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Tất T**: Xác định cháu gái sinh ngày 09/01/2016 theo giấy chứng sinh số 000366 ngày 13/01/2016, quyển số 04/2016 của **bệnh viện phụ sản thành phố P**, dự định đặt tên là **Nguyễn Huyền A** là con đẻ của anh **Nguyễn Tất T**, sinh năm 1970, hộ khẩu thường trú: **P, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội**.

Về chi phí giám định: Anh **Nguyễn Tất T** tự nguyện chịu chi phí giám định nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh **Nguyễn Tất T** được miễn án phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 25 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn - chị **D** có nơi cư trú tại **phường H, thị xã K** nên yêu cầu Tòa án xác định con cho cha của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 4 Điều 28; Điều 35; Điều 101 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh **D1** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt anh **D1**.

[2] Về yêu cầu khởi kiện xác định con cho **cha** của anh **Nguyễn Tất T**: Chị **Nguyễn Thị Phương D** và anh **Nguyễn Tất T** đều thống nhất cháu **Nguyễn Huyền A** do chị **D** sinh là con đẻ của anh **T**. Tại Kết quả xét nghiệm ADN ngày 05/6/2024 của **Công ty Cổ phần C**, địa chỉ: **H G, G, H, Hà Nội** kết luận: **Nguyễn Tất T** có quan hệ huyết thống Cha - Con với **Nguyễn Huyền A** với xác suất 99,9999%. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **T**, xác định cháu **Nguyễn Huyền A** là con đẻ của anh **Nguyễn Tất T** là phù hợp với qui định tại Điều 88, Điều 89, Điều 91, Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về án phí:* Anh **Nguyễn Tất T** có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 25 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án. Về chi phí giám định: Anh **Nguyễn Tất T** tự nguyện chịu chi phí giám định nên không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp với Điều 161 BLTTDS.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Anh **T**, chị **D**, anh **D1** có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 88, 89, 91, 101, 102 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 161; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 25 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14y 30/12/2016 của UBTVQH Khoá 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Tất T.** Xác định cháu **Nguyễn Huyền A**, sinh ngày 09/01/2016 (giới tính: Nữ), do chị **Nguyễn Thị Phương D** sinh, theo giấy chứng sinh số 000366, cấp ngày 13/01/2016 của **Bệnh viện P** là con của anh **Nguyễn Tất T**, sinh năm 1970, CCCD số 001070002317.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của anh **T** chịu cả chi phí trưng cầu giám định (Anh **T** đã nộp đủ).

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh **Nguyễn Tất T.** Trả lại anh **Nguyễn Tất T** 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai số 0002551 ngày 27/5/2024.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn, bị đơn, người liên quan;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- UBND **phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn**;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Công bố trên CTTĐT TANDTC;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Phúc